

## Chương III

## KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13.- Quy định về khiếu nại, tố cáo:

Khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và thủ tục giải quyết tố cáo vi phạm trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo các Điều 87, 88, 90 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995.

Điều 14.- Quy định về xử lý vi phạm:

Xử phạt vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và xử phạt vi phạm đối với người vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thực hiện theo đúng các Điều 91, 92 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995.

Điều 15.- Quy định về khen thưởng đãi ngộ đối với việc phát hiện, xử lý vi phạm: tổ chức, cá nhân có công phát hiện các hành vi khai man, trốn thuế, được trích thưởng trên số tiền thuế trốn đã phát hiện được sau khi quyết định xử phạt hoặc quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành. Mức trích thưởng được thực hiện như sau:

- 2% (hai phần trăm) đối với vụ việc phát hiện trốn thuế trong khu vực kinh tế quốc doanh.

- 5% (năm phần trăm) đối với vụ việc phát hiện trốn thuế đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục trích thưởng và nguyên tắc phân phối sử dụng khoản tiền thưởng nêu trên.

Số tiền thuế trốn lậu còn lại sau khi đã trích thưởng phải nộp toàn bộ vào Ngân sách Nhà nước.

## Chương IV

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 5 năm 1996. Bãi bỏ Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Điều 17.- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ số 186-TTg ngày 28-3-1996 về danh sách các doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt.

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Nghị định số 26-CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 105-TTg ngày 28-3-1996 của Thủ tướng Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

## QUYẾT ĐỊNH.

Điều 1.- Nay xếp hạng đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhà nước dưới đây:

1. Tổng công ty Điện lực Việt Nam,
2. Tổng công ty Than Việt Nam,
3. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam,
4. Tổng công ty Xi măng Việt Nam,
5. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,
6. Tổng công ty Hàng không Việt Nam,
7. Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam,
8. Tổng công ty Cao su Việt Nam,
9. Tổng công ty Tép Việt Nam,



10. Tổng công ty Cà phê Việt Nam,
11. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam,
12. Tổng công ty Giấy Việt Nam,
13. Tổng công ty Dệt - May Việt Nam,
14. Tổng công ty Lương thực miền Bắc,
15. Tổng công ty Lương thực miền Nam,
16. Tổng công ty Hóa chất Việt Nam,
17. Tổng công ty Đá quý và Vàng Việt Nam,
18. Liên hiệp Đường sắt Việt Nam,
19. Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam,
20. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam,
21. Ngân hàng Công thương Việt Nam,
22. Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam,
23. Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Điều 2.- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc chuyển xếp lương và phụ cấp chức vụ của các viên chức quản lý doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*  
 PHAN VĂN KHAI

**CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 191-TTg ngày 3-4-1996 đẩy mạnh việc bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị.**

Để tăng cường công tác quản lý nhà ở, đất ở tại đô thị và đẩy mạnh việc phát triển nhà ở, ngày 5-7-1994 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60-CP về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị và Nghị định số 61-CP về mua

bán và kinh doanh nhà ở, đồng thời Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị cho các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị định trên.

Đến nay, hầu hết các địa phương đều đã thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về chính sách nhà ở và đất ở, nhiều địa phương đã tổ chức triển khai các Nghị định của Chính phủ và thu được kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, sau hơn một năm thực hiện, nhìn chung tiến độ triển khai chậm, kết quả còn bị hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và nguyện vọng của nhân dân, thậm chí một số địa phương chưa thực hiện đúng Nghị định của Chính phủ đã ban hành.

Nguyên nhân chủ yếu là do lĩnh vực nhà ở, đất ở vốn rất phức tạp lại bị buông lỏng quản lý trong nhiều năm nên việc xử lý các tồn tại rất khó khăn, nhưng nhiều địa phương chưa quán triệt đầy đủ chủ trương, yêu cầu của các chính sách đã được Chính phủ ban hành. Do đó, chưa có sự chỉ đạo tập trung sát sao và thường xuyên của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; chưa có sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả của các Ban, ngành chức năng cũng như Ủy ban Nhân dân các cấp; chưa huy động đủ lực lượng cần thiết để triển khai thực hiện.

Để đẩy nhanh tiến độ bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần kiện toàn và tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về chính sách nhà ở và đất ở, bảo đảm nguyên tắc chỉ đạo tập trung thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Ban, ngành chức năng và Ủy ban Nhân dân các cấp. Đối với các tỉnh, thành phố lớn cần thành lập Ban Chỉ đạo đến cấp quận (huyện) để chỉ đạo công tác đến tận phường (xã).

2. Các tỉnh, thành phố cần khẩn trương chỉ đạo và tổ chức việc đăng ký nhà ở, đất ở theo quy định của Nghị định số 60-CP ngày 5-7-1994 để làm căn cứ quản lý và xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị phải thực hiện theo đúng Nghị định số 60-CP ngày 5-7-1994. Những giấy chứng nhận đã cấp sau ngày 5-7-1994 trái với Nghị định này, phải hủy bỏ và cấp lại theo mẫu thống nhất.

3. Tại các tỉnh, thành phố có quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thì Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải khẩn trương xây dựng đề án bán nhà ở trình Hội đồng Nhân dân thông qua, trưng đó xác định các khu